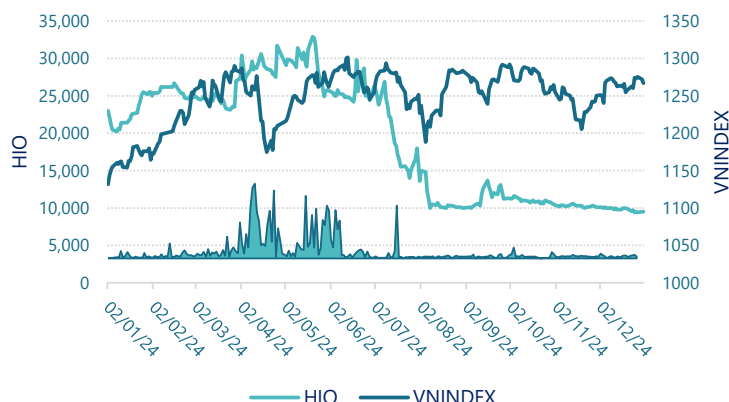


CTCP Helio Energy (UPCOM: HIO)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	9,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	32,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,400
SL cổ phiếu LH	21,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	31,415
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	200
P/E	9.5
EPS	1,004

DT thuần

Q4/24

24.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.60 | -15.7%

YoY: ▼3.90 | -13.6%

LN sau thuế

Q4/24

2.49

tỷ VNĐ

QoQ: ▲0.02 | 0.7%

YoY: ▲1.61 | 183%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

41.7%

+/- YoY: ▲3.1%

DT thuần

2024

119

tỷ VNĐ

YoY: ▼5.00 | -3.8%

LN sau thuế

2024

21.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲11.0 | 109%

ROE

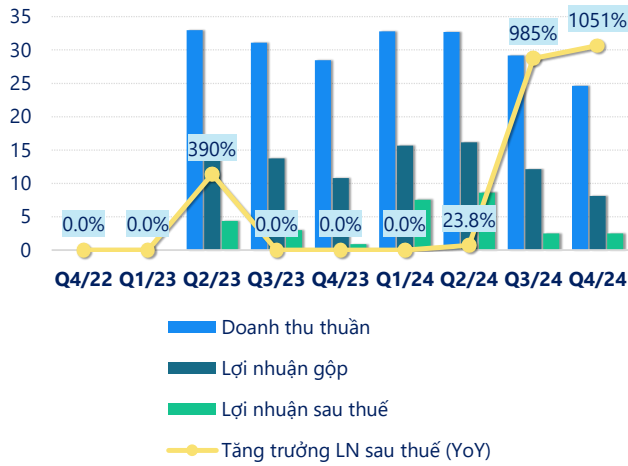
2024

8.6%

+/- YoY: ▲4.2%

tỷ VNĐ

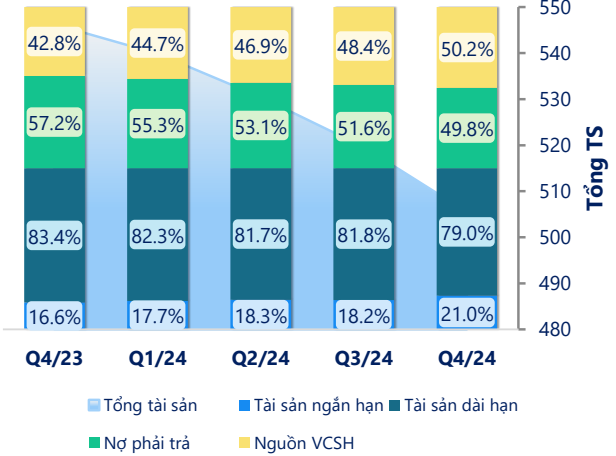
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

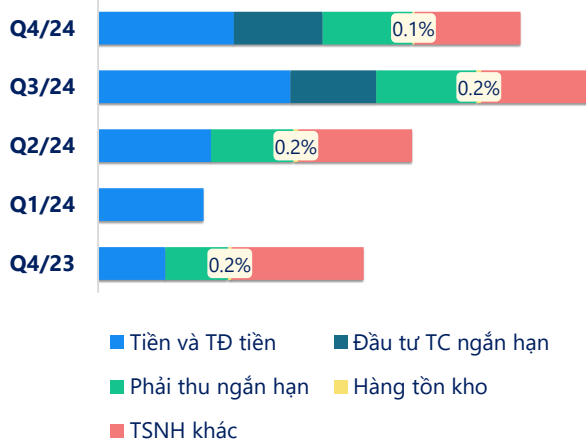
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



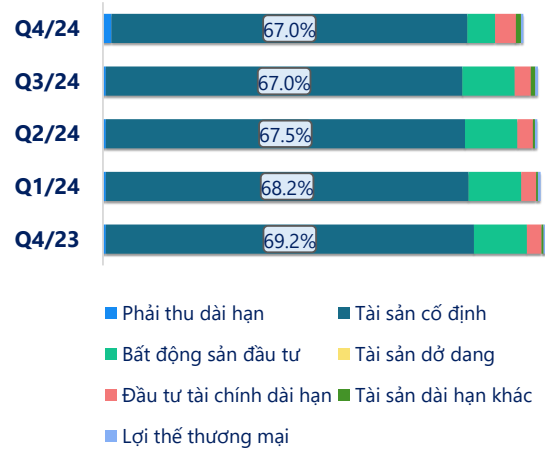
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

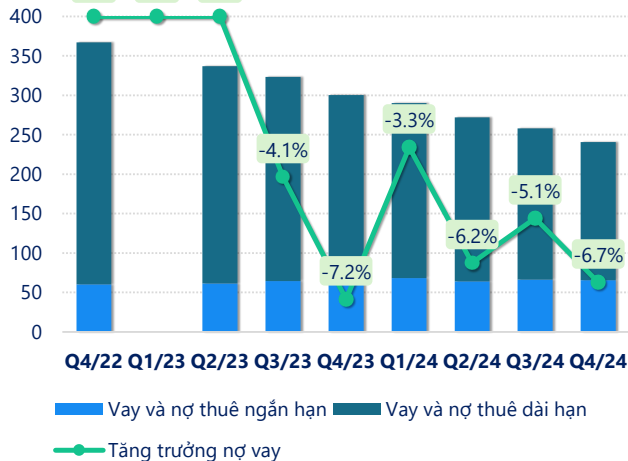
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

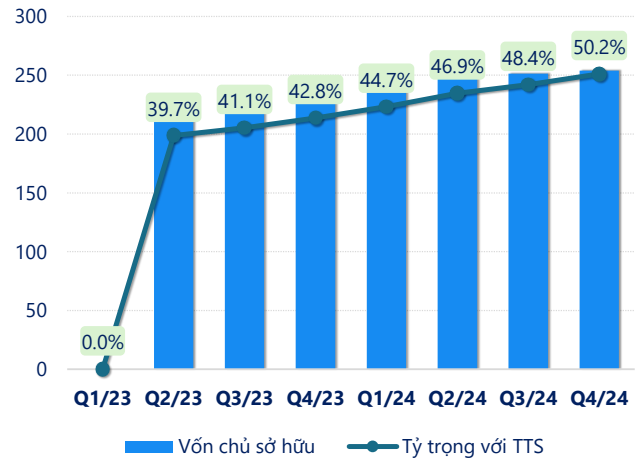
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

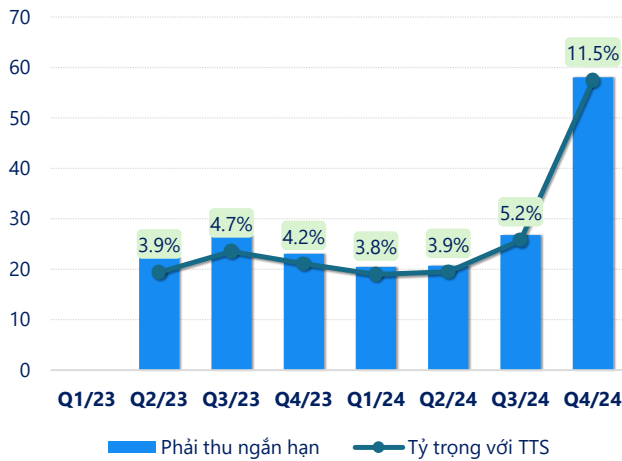
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



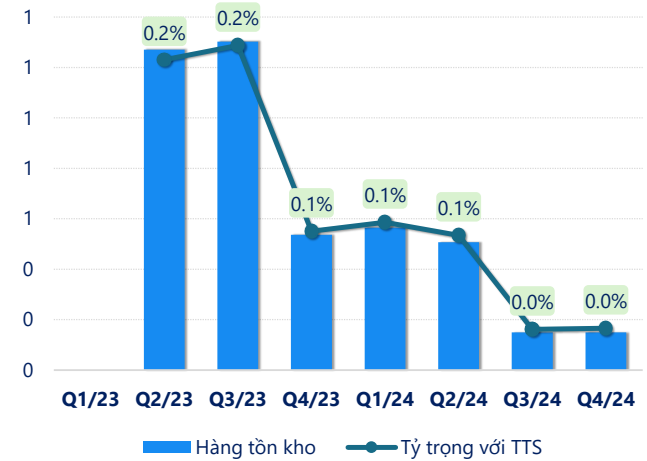
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


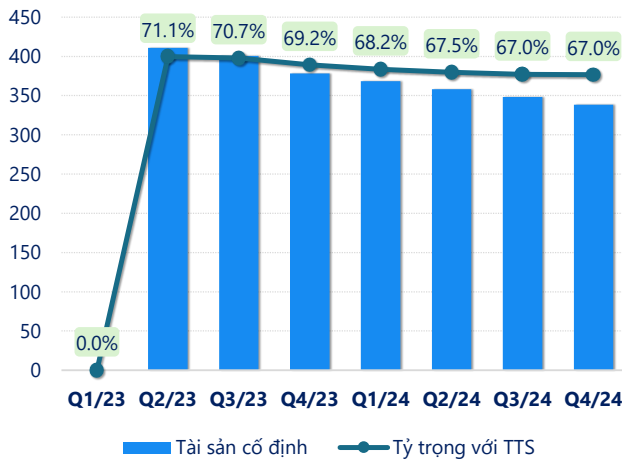
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


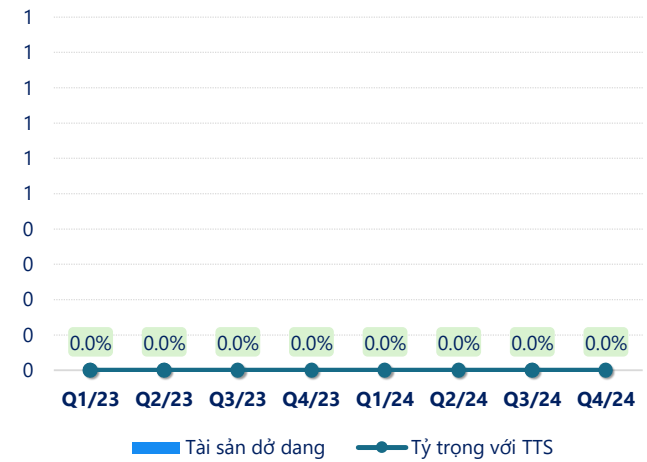
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

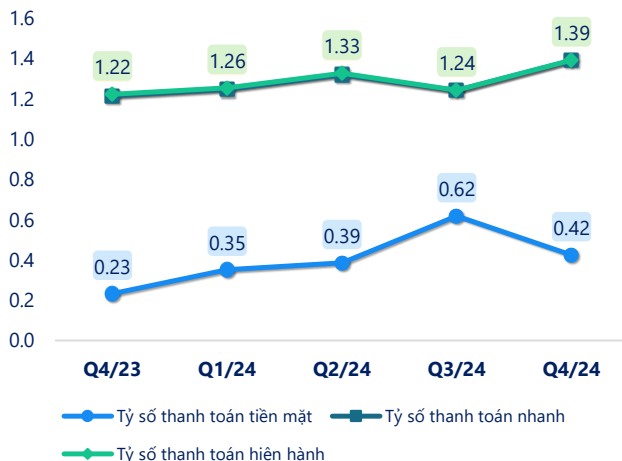
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

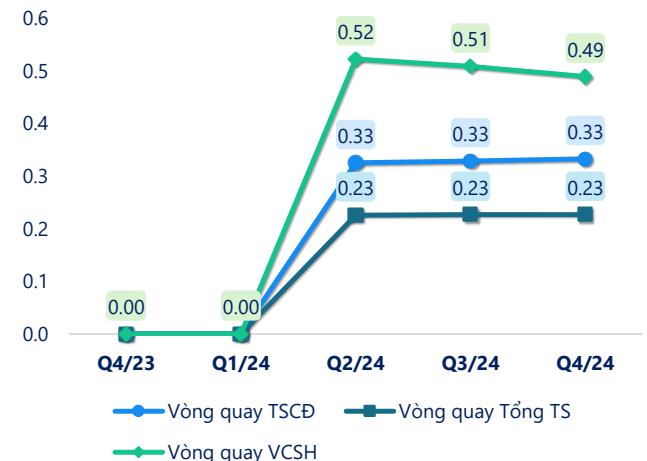
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	546	540	530	520	505
Tài sản ngắn hạn	90.9	95.6	97.0	94.6	106
Tiền và tương đương tiền	17.3	26.8	28.2	47.0	32.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	22.8	22.8	25.0	0	0
Phải thu ngắn hạn	23.1	20.5	20.7	26.8	58.1
Hàng tồn kho	0.54	0.56	0.51	0.15	0.15
Tài sản ngắn hạn khác	27.2	25.0	22.6	20.6	15.5
Tài sản dài hạn	455	444	433	425	399
Phải thu dài hạn	2.86	2.86	2.84	2.84	8.09
Tài sản cố định	378	368	358	348	338
Bất động sản đầu tư	54.6	53.5	52.4	51.2	26.1
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	14.9	15.3	15.5	15.6	19.9
Tài sản dài hạn khác	1.94	1.68	1.82	4.46	4.73
Lợi thế thương mại	2.79	2.71	2.62	2.54	2.20
Nợ phải trả	313	299	282	268	252
Nợ ngắn hạn	74.3	76.1	73.1	76.1	76.1
Vay và nợ thuê ngắn hạn	62.6	68.2	64.1	66.5	65.6
Phải trả người bán ngắn hạn	3.72	2.26	3.41	4.96	1.47
Nợ dài hạn	238	223	208	192	175
Vay và nợ thuê dài hạn	238	222	208	192	175
Nguồn vốn chủ sở hữu	234	241	249	251	254
Vốn chủ sở hữu	234	241	249	251	254
Vốn điều lệ	210	210	210	210	210
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)